

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 3 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp: Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Cục Công nghệ thông tin;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh CB;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Hoàng Xuân Ánh*  
**Hoàng Xuân Ánh**

## QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trong việc phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản) do Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND tỉnh Cao Bằng ban hành và các điều kiện để đảm bảo thực hiện các công tác này.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan chuyên môn) và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào CSDLQG về pháp luật các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành.

3. Văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành được rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào CSDLQG về pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

- a) Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành.
- b) Quyết định quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

4. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm kịp thời, đồng bộ, khách quan, không bỏ sót văn bản và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện; đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức tham gia phối hợp nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc.

3. Bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản cho Sở Tư pháp để Sở Tư pháp thực hiện cập nhật vào CSDLQG về pháp luật.

## **Điều 6. Trách nhiệm cập nhật văn bản**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Văn phòng HĐND tỉnh (đối với Nghị quyết), Văn phòng UBND tỉnh (đối với Quyết định) cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện đăng tải văn bản trên CSDLQG về pháp luật.

2. Việc cập nhật văn bản vào CSDLQG về pháp luật phải đảm bảo quy trình cập nhật văn bản theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

## **Điều 7. Trách nhiệm kiểm tra kết quả cập nhật văn bản**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra văn bản trên CSDLQG về pháp luật nhằm phát hiện và kịp thời khắc phục những sai sót của văn bản điện tử so với bản chính văn bản.

2. Các cơ quan chuyên môn trong quá trình khai thác, sử dụng CSDLQG về pháp luật nếu phát hiện những sai sót của văn bản được đăng tải, so với bản chính của văn bản, kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện việc hiệu đính văn bản.

3. Khi nhận được thông báo về sai sót của văn bản trên CSDLQG về pháp luật, Sở Tư pháp phải thực hiện việc hiệu đính văn bản và thông báo công khai việc hiệu đính trên CSDLQG về pháp luật.

## **Mục 2**

### **THỰC HIỆN RÀ SOÁT VĂN BẢN THƯỜNG XUYÊN**

#### **Điều 8. Phối hợp thực hiện rà soát văn bản thường xuyên**

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn

a) Cơ quan chuyên môn chủ trì thực hiện việc rà soát các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này, khi có căn cứ rà soát văn bản quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP làm cho nội dung của văn bản thuộc đối tượng rà soát không còn phù hợp với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Trên cơ sở đề xuất của cán bộ phụ trách Pháp chế hoặc Phòng chuyên môn, giao cán bộ phụ trách Pháp chế hoặc Phòng chuyên môn chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan thực hiện việc rà soát các văn bản theo trình tự quy định tại Điều 149 và Điều 150 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Kết quả rà soát được thể hiện bằng Phiếu rà soát văn bản theo Mẫu số 01, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

~~Trường hợp kết quả rà soát văn bản có nội dung phức tạp, trên cơ sở đề xuất của cán bộ phụ trách Pháp chế hoặc Phòng chuyên môn được giao thực hiện rà soát, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn xem xét, tổ chức họp để trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan để hoàn thiện kết quả rà soát văn bản.~~

c) Lấy ý kiến Sở Tư pháp về kết quả rà soát văn bản.

Lập “Sổ theo dõi văn bản được rà soát” theo Mẫu số 02 Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để theo dõi việc rà soát và kết quả xử lý văn bản chung của HĐND, UBND tỉnh.

### **Mục 3**

#### **THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN, RÀ SOÁT VĂN BẢN THEO CHUYÊN ĐỀ, LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN**

**Điều 10. Thực hiện kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn của UBND tỉnh**

##### **1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

a) Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch tổng rà soát văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn và làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện kế hoạch.

b) Tổng hợp kết quả tổng rà soát văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực của các cơ quan chuyên môn, trình UBND tỉnh ban hành báo cáo kết quả rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

##### **2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn**

a) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản của HĐND, UBND tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình. Nội dung kế hoạch rà soát văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Trình tự rà soát văn bản theo quy định tại Điều 149 và Điều 150 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Thực hiện rà soát văn bản và tổng hợp kết quả rà soát văn bản của đơn vị theo các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 162 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và lập các danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo Mẫu số 03, 04, 05 và 06 Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP gửi Sở Tư pháp để tổng hợp chung.

c) Trên cơ sở báo cáo chung về kết quả rà soát của UBND tỉnh, tiến hành tham mưu xử lý đối với các văn bản không còn phù hợp qua rà soát theo quy định.

---

**Điều 11. Thực hiện kế hoạch, yêu cầu rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

---

##### **1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn**

a) Theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm chủ trì thực hiện rà soát các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo chuyên đề, lĩnh vực mà Bộ, cơ quan ngang Bộ yêu cầu rà soát thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình. Trình tự rà soát văn bản theo quy định tại Điều 149 và Điều 150 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

**Mục 5**  
**THỰC HIỆN HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN**

**Điều 13. Xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản**

**1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành định kỳ 05 (năm) một lần và làm đầu mỗi tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản.

**2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn**

Giao cán bộ phụ trách Pháp chế hoặc Phòng chuyên môn chủ trì xây dựng kế hoạch của cơ quan chuyên môn thực hiện hệ thống hóa văn bản ở ngành, đơn vị mình và phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch.

**Điều 14. Quan hệ phối hợp trong thực hiện hệ thống hóa văn bản**

**1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn**

a) Thực hiện hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này, theo trình tự hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và lập các danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo Mẫu số 03, 04, 05 và 06 Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Gửi kết quả hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành cho Sở Tư pháp để tổng hợp.

Trường hợp phải thực hiện rà soát bổ sung văn bản theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát bổ sung từng văn bản. Đồng thời, lập hồ sơ rà soát văn bản (bổ sung) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quy chế này, gửi Sở Tư pháp để lấy ý kiến cùng với kết quả hệ thống hóa văn bản.

**2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

a) Kiểm tra và tổng hợp kết quả hệ thống hóa văn bản của các cơ quan chuyên môn. Trường hợp văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, chưa thống nhất được kết quả hệ thống hóa, Sở Tư pháp chủ trì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan để hoàn thiện kết quả hệ thống hóa văn bản.

b) ~~Chậm nhất 60 ngày, kể từ thời điểm hệ thống hóa, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành.~~

**3. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh**

Đăng Công báo tỉnh và Cổng thông tin điện tử tỉnh toàn bộ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành và các danh mục văn bản kèm theo.

## Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa bản trên địa bàn tỉnh và tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn trên CSDLQG về pháp luật trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 186 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này, UBND các huyện, thành phố ban hành Quy chế quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố và điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương mình.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh